



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 28

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Trần Thị Len	Chủ tịch
Ông Bùi Xuân Hải	Thành viên
Bà Võ Thị Hà Giang	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Bùi Xuân Hải	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Đoàn Trang	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	Thành viên
Bà Mai Ngọc Liên	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Bùi Xuân Hải - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly,



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2025

715
NG
NH
M
00
U
03
NG
PH
AI
G
LY
IT

Số: 032503/2025/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang theo dõi khoản chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.844.308.179 đồng từ các năm trước. Nếu Công ty hạch toán các khoản đã chi này vào kết quả kinh doanh của các năm trước thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận các khoản công nợ phải thu khách hàng của Công ty với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 21.384.619.226 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 38.447.077.322 đồng), trả trước cho người bán với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 298.692.145 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 302.942.145 đồng), phải trả cho người bán với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.334.216.419 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.224.216.418 đồng) và phải thu ngắn hạn khác với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.109.341.558 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.109.341.558 đồng). Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến tính hiện hữu và đầy đủ các khoản mục công nợ nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho những khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán với số tiền 22.618.083.150 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 28.298.423.831 đồng). Nếu Công ty thực hiện trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi vào các năm trước thì trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi 22.618.083.150 đồng và chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng lên số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 20.218.113.756 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 20.454.827.285 đồng). Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, lũy kế tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 73.280.649.380 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 72.506.512.911 đồng), vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đang âm 13.966.204.337 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 âm 13.192.067.868 đồng). Thủ lao HĐQT Công ty chưa thực hiện chi trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.098.250.000 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 40.255.432.040 đồng là nợ xấu. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tăng cường công tác thu hồi công nợ trong tương lai, sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và sự cơ cấu lại nợ của các đối tác cho vay để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2023-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2023-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.691.441.201	46.391.848.567
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.764.902.920	5.161.777.129
1. Tiền	111	V.1	4.764.902.920	5.161.777.129
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.5	510.000.000	540.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(490.000.000)	(460.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.789.213.581	35.440.175.979
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	42.471.901.899	49.265.310.125
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		298.692.145	434.612.145
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	2.406.905.764	2.334.110.742
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(16.388.286.227)	(16.593.857.033)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	5.421.563.621	4.890.500.957
1. Hàng tồn kho	141		5.437.128.738	4.906.066.074
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.565.117)	(15.565.117)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		205.761.079	359.394.502
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4a	198.721.022	93.303.367
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	111.086.506
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	7.040.057	155.004.629
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.319.311.692	7.300.161.690
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		345.325.427	195.325.427
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	345.325.427	195.325.427
II. Tài sản cố định	220		2.378.474.700	3.655.343.712
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.378.474.700	3.655.343.712
- Nguyên giá	222		74.222.825.568	77.834.214.877
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.844.350.868)	(74.178.871.165)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		636.755.251	617.975.556
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	636.755.251	617.975.556
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.958.756.314	2.831.516.995
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4b	1.988.429.751	1.128.697.671
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		970.326.563	1.702.819.324
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		46.010.752.893	53.692.010.257

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		59.976.957.230	66.884.078.125
I. Nợ ngắn hạn	310		59.909.554.957	66.846.675.852
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	9.093.293.090	11.439.400.784
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.450.000	24.450.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	176.814.317	368.007.807
4. Phải trả người lao động	314		810.904.002	538.917.835
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	17.119.996.224	14.519.842.910
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.319.905.503	1.364.364.695
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	33.208.500.000	40.436.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.844.308.179)	(1.844.308.179)
II. Nợ dài hạn	330		67.402.273	37.402.273
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	67.402.273	37.402.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(13.966.204.337)	(13.192.067.868)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	(13.966.204.337)	(13.192.067.868)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(7.320.000)	(7.320.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.321.765.043	14.321.765.043
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(73.280.649.380)	(72.506.512.911)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(72.506.512.911)	(69.369.454.348)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(774.136.469)	(3.137.058.563)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		46.010.752.893	53.692.010.257

Mai Ngọc Liên
Người lập biểu

Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		41.912.269.784	39.127.263.193
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	41.912.269.784	39.127.263.193
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	33.361.196.224	31.280.041.066
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.551.073.560	7.847.222.127
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.066.382	9.327.646
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.430.153.314	3.637.268.615
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.400.153.314	3.807.268.615
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.493.416.125	1.257.536.567
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.249.696.616	4.239.959.823
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(614.126.113)	(1.278.215.232)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.822.552.763	5.184.209
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.195.753.160	693.021.919
13. Lợi nhuận khác	40		626.799.603	(687.837.710)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.673.490	(1.966.052.942)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	54.317.198	383.401.573
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		732.492.761	787.604.048
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(774.136.469)	(3.137.058.563)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(172)	(697)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(172)	(697)

Mai Ngọc Liên
Người lập biểu

Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng

Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.673.490	(1.966.052.942)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	540.274.187	761.241.377
Các khoản dự phòng	03	(175.570.806)	(547.910.590)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(3.842.710)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	504.892.079	(5.484.936)
Chi phí lãi vay	06	3.400.153.314	3.807.268.615
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.282.422.264	2.045.218.814
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	6.965.584.282	3.379.159.799
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(531.062.664)	155.838.055
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(2.298.553.904)	343.743.001
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(965.149.735)	(65.579.976)
Tiền lãi vay đã trả	14	(800.000.000)	(1.000.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(54.317.198)	(383.401.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.598.923.045	4.474.978.120
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(193.224.545)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	223.636.364	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.066.382	5.484.936
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	231.702.746	(187.739.609)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.227.500.000)	(2.664.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.227.500.000)	(2.664.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(396.874.209)	1.623.238.511
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.161.777.129	3.538.538.618
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.764.902.920	5.161.777.129



Mai Ngọc Liên
Người lập biểu



Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng



Bử Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xi măng Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 936/QĐ-BXD ngày 03 tháng 07 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000019 ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04 tháng 07 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 5900305243. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11, vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần là 4.500.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Theo Quyết định số 313/QĐ-SGDHN ngày 04 tháng 05 năm 2017, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly với mã chứng khoán SDY hủy niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 04 tháng 05 năm 2017.

Theo Quyết định số 395/QĐ-SGDHN ngày 02 tháng 06 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (mã chứng khoán SDY) được giao dịch tại sàn giao dịch chứng khoán UPCOM từ ngày 02 tháng 06 năm 2017.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- Gia công xi măng;
- Vận chuyển clinker;

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Hiện nay Công ty có một (01) đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Xi nghiệp khai thác đá và một (01) Công ty con. Thông tin về Công ty con cụ thể như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng ELECEM	Huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	100%	100%	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 56 người, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 58 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 20.218.113.756 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 20.454.827.285 đồng). Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 73.280.649.380 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 72.506.512.911 đồng), vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đang âm 13.966.204.337 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 âm 13.192.067.868 đồng).

Thù lao HĐQT Công ty chưa thực hiện chi trả đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.098.250.000 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 40.255.432.040 đồng là nợ xấu.

Tổng Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

Tổng Giám đốc của Công ty đã xây dựng các kế hoạch để tăng cường khả năng thu hồi công nợ, tăng cường tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông. Đồng thời, Tổng Giám đốc của Công ty đã làm việc với các nhà cung cấp và các đối tác cho vay để cơ cấu lại các khoản nợ đến hạn. Với các khoản đi vay, các đối tác cho vay đã tạo điều kiện gia hạn nợ cho Công ty hàng năm.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh đã ký phụ lục hợp đồng số 06 ngày 15 tháng 12 năm 2023 với Công ty cam kết sản lượng gia công xi măng trong 05 năm tới đạt tối thiểu 100.000 tấn. Nếu không đạt, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh sẽ có chính sách bù giá cho Công ty.

Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty/Doanh nghiệp có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Đối với các chứng khoán hiện giao dịch trên sàn upcom, thuộc quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị công cụ dụng cụ quản lý	04 - 06

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thuDoanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	257.456.403	90.504.578
Tiền gửi ngân hàng	4.507.446.517	5.071.272.551
Cộng	4.764.902.920	5.161.777.129

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	14.835.645.908	14.835.645.908
- Chi nhánh 307	14.775.996.860	14.775.996.860
- Văn phòng Công ty	59.649.048	59.649.048
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.571.916.274	2.571.916.274
- Chi nhánh 603	1.886.039.137	1.886.039.137
- Văn phòng Công ty	685.877.137	685.877.137
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	10.152.103.031
Xí nghiệp Sông Đà 11.5 Thăng Long	492.212.947	4.092.212.947
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	2.773.180.260	4.123.615.241
Chi nhánh Công ty TNHH SCG Internaltional Việt Nam tại Đà Nẵng	2.876.446.371	2.551.890.323
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.770.397.108	10.937.926.401
Cộng	42.471.901.899	49.265.310.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHỖ CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng	91.877.589	10.582.567
Phải thu khác	2.137.028.175	2.145.528.175
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	178.000.000	178.000.000
Cộng	<u>2.406.905.764</u>	<u>2.334.110.742</u>
b) Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	195.325.427	195.325.427
Phải thu khác	150.000.000	-
Cộng	<u>345.325.427</u>	<u>195.325.427</u>

4. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	64.118.003	59.507.085
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	45.237.915	1.300.000
- Các khoản khác	89.365.104	32.496.282
Cộng	<u>198.721.022</u>	<u>93.303.367</u>
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	941.558.872	752.999.871
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	949.502.009	280.725.561
- Các khoản khác	97.368.870	94.972.239
Cộng	<u>1.988.429.751</u>	<u>1.128.697.671</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY
Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh,
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Chứng khoán kinh doanh	1.000.000.000	510.000.000	1.000.000.000	540.000.000
Cổ phiếu SD3 (100.000 cổ phiếu)		(490.000.000)		(460.000.000)
Cộng	1.000.000.000	510.000.000	1.000.000.000	540.000.000

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.104.520.189	(15.565.117)	4.201.018.499	(15.565.117)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	390.440.191	-
Thành phẩm	330.958.549	-	313.635.162	-
Hàng hoá	-	-	972.222	-
Cộng	5.437.128.738	(15.565.117)	4.906.066.074	(15.565.117)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. NỢ XẤU

	Giá gốc		Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Giá trị có thể thu hồi	VND	Giá trị có thể thu hồi	VND	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	37.843.148.337	23.253.684.901	(14.589.463.436)	42.506.997.161	27.711.962.919	(14.795.034.242)
- Chi nhánh Sông Đà 3.07 - Công ty Cổ phần Sông Đà 3	14.775.996.860	14.775.996.860	-	14.775.996.860	14.775.996.860	-
- Ban điều hành dự án Thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	-	(10.152.103.031)	10.152.103.031	-	(10.152.103.031)
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	1.680.971.155	1.680.971.155	-	1.680.971.155	1.680.971.155	-
- Ban điều hành dự án Thủy điện Xekaman 1	1.349.712.204	1.349.712.204	-	1.349.712.204	1.349.712.204	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	685.877.137	68.325.023	(617.552.114)	685.877.137	68.325.023	(617.552.114)
- Các đối tượng khác	9.198.487.950	5.378.679.659	(3.819.808.291)	13.862.336.774	9.836.957.677	(4.025.379.097)
Trả trước cho người bán	302.942.145	202.942.145	(100.000.000)	302.942.145	202.942.145	(100.000.000)
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Hoạt động Khoáng sản Geminco	280.000.000	180.000.000	(100.000.000)	280.000.000	180.000.000	(100.000.000)
- Các đối tượng khác	22.942.145	22.942.145	-	22.942.145	22.942.145	-
Phải thu khác	2.109.341.558	410.518.767	(1.698.822.791)	2.109.341.558	410.518.767	(1.698.822.791)
- Ông Vũ Văn Bàu	516.993.815	-	(516.993.815)	516.993.815	-	(516.993.815)
- Ông Nguyễn Xuân Toàn	109.601.873	-	(109.601.873)	109.601.873	-	(109.601.873)
- Các đối tượng khác	1.482.745.870	410.518.767	(1.072.227.103)	1.482.745.870	410.518.767	(1.072.227.103)
Cộng	40.255.432.040	23.867.145.813	(16.388.286.227)	44.919.280.864	28.325.423.831	(16.593.857.033)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp, bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu								
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.985.041		54.317.198		54.317.198		5.985.041	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-		545.077.840		397.113.268		147.964.572	
Phí, lệ phí và các khoản khác	1.055.016		88.377.813		88.377.813		1.055.016	
Cộng	7.040.057		687.772.851		539.808.279		155.004.629	
b) Các khoản phải nộp								
Thuế giá trị gia tăng	158.533.975		5.651.863.356		5.824.968.667		331.639.286	
Thuế thu nhập cá nhân	18.280.342		51.503.314		69.591.493		36.368.521	
Thuế môn bài	-		7.000.000		7.000.000		-	
Cộng	176.814.317		5.710.366.670		5.901.560.160		368.007.807	

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Chế biến và Kinh doanh than Xuân Phú	3.860.173.392	3.860.173.392	4.954.072.946	4.954.072.946
Doanh nghiệp tư nhân Minh Tuấn	127.832.000	127.832.000	927.832.000	927.832.000
Các đối tượng khác	5.105.287.698	5.105.287.698	5.557.495.838	5.557.495.838
Cộng	9.093.293.090	9.093.293.090	11.439.400.784	11.439.400.784

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản phải trả quá hạn chưa thanh toán với số tiền 4.334.216.419 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 5.224.216.418 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY
Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh,
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	5.172.299.488	71.047.841.115	1.356.470.909	257.603.365	77.834.214.877
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.611.389.309)	-	-	(3.611.389.309)
Số dư cuối năm	5.172.299.488	67.436.451.806	1.356.470.909	257.603.365	74.222.825.568
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	3.513.684.019	70.077.292.689	437.686.930	150.207.527	74.178.871.165
Khấu hao trong năm	164.639.174	175.209.570	159.036.927	41.388.516	540.274.187
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.874.794.484)	-	-	(2.874.794.484)
Số dư cuối năm	3.678.323.193	67.377.707.775	596.723.857	191.596.043	71.844.350.868
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.658.615.469	970.548.426	918.783.979	107.395.838	3.655.343.712
Tại ngày cuối năm	1.493.976.295	58.744.031	759.747.052	66.007.322	2.378.474.700

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 69.092.876.650 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 68.699.806.306 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí mở đá tại xã HBông, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	610.055.556	610.055.556
Xây dựng cơ bản dở dang khác	26.699.695	7.920.000
Cộng	636.755.251	617.975.556

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	16.685.852.741	14.085.699.427
Trích trước chi phí mua phụ gia	401.854.636	401.854.636
Các khoản chi phí phải trả khác	32.288.847	32.288.847
Cộng	17.119.996.224	14.519.842.910
Trong đó: Phải trả là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.3 - Bên liên quan)	16.685.852.741	14.085.699.427

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Các khoản phải trả về thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	1.098.250.000	1.098.250.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	30.000.000
Phải trả khác	221.655.503	236.114.695
Cộng	1.319.905.503	1.364.364.695
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	67.402.273	37.402.273
Cộng	67.402.273	37.402.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY: TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bà Trần Thị Kim Thoa (i)	31.808.500.000	31.808.500.000	-	6.327.500.000	38.136.000.000	38.136.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital (ii)	1.400.000.000	1.400.000.000	-	900.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
Tổng cộng	33.208.500.000	33.208.500.000	-	7.227.500.000	40.436.000.000	40.436.000.000
Trong đó: vay và nợ thuế tài chính là các bên liên quan (chi tiết thuyết minh VII.3)	33.208.500.000	33.208.500.000			40.436.000.000	40.436.000.000

- (i) Khoản vay cá nhân của bà Trần Thị Kim Thoa theo các hợp đồng vay vốn cụ thể. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn các khoản vay là 12 tháng kể từ ngày nhận được khoản vay. Theo các phụ lục hợp đồng được ký kết trong năm 2024, khoản vay được gia hạn hoàn trả đến năm 2025. Lãi suất vay vốn hiện tại là 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay với Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện) theo hợp đồng vay vốn số 1412/PTIC-SDY ngày 14 tháng 12 năm 2017 và các phụ lục kèm theo với số tiền vay là 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 11%/năm (từ ngày 22 tháng 08 năm 2019 là 9%/năm). Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt. Tiền gốc và lãi được hoàn trả vào ngày kết thúc thời hạn vay hoặc một ngày khác sớm hơn nếu hai bên có thỏa thuận khác. Phụ lục hợp đồng năm 2024 gia hạn thời gian vay nợ đến ngày 14 tháng 12 năm 2025.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	(7.320.000)	(7.320.000)	14.321.765.043	(69.369.454.348)	(10.055.009.305)			
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(3.137.058.563)	(3.137.058.563)			
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	(7.320.000)	(7.320.000)	14.321.765.043	(72.506.512.911)	(13.192.067.868)			
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(774.136.469)	(774.136.469)			
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000	(7.320.000)	(7.320.000)	14.321.765.043	(73.280.649.380)	(13.966.204.337)			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u> <u>Cổ phiếu</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là gia công xi măng cho Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày tại Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động gia công xi măng. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều phát sinh tại Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.686.689.320	39.054.844.127
Doanh thu khác	225.580.464	72.419.066
Cộng	41.912.269.784	39.127.263.193

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	33.115.627.003	31.278.531.092
Giá vốn khác	245.569.221	1.509.974
Cộng	33.361.196.224	31.280.041.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHỖ CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	8.066.382	5.484.936
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.842.710
Cộng	8.066.382	9.327.646

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.400.153.314	3.807.268.615
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh	30.000.000	(170.000.000)
Cộng	3.430.153.314	3.637.268.615

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.493.416.125	1.257.536.567
Cộng	1.493.416.125	1.257.536.567

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.585.505.213	2.299.831.141
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	321.776.343	548.068.209
Chi phí khấu hao TSCĐ	226.086.774	305.012.935
Thuế, phí và lệ phí	586.955.067	333.927.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.923.336	634.895.782
Chi phí bằng tiền khác	454.020.689	496.134.726
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(205.570.806)	(377.910.590)
Cộng	4.249.696.616	4.239.959.823

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh bù chi phí cho sản lượng xi măng gia công	1.493.656.535	-
Thu nhập từ xử lý tài sản thừa phát hiện trong quá trình kiểm kê	319.803.561	-
Các khoản khác	9.092.667	5.184.209
Cộng	1.822.552.763	5.184.209

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	512.958.461	-
Các khoản phạt chậm nộp, truy thu thuế	53.421.025	361.797.816
Khấu hao TSCĐ không phục vụ cho hoạt động kinh doanh	144.377.483	282.847.103
Các khoản khác	484.996.191	48.377.000
Cộng	1.195.753.160	693.021.919

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	54.317.198	383.401.573
Công ty TNHH MTV Xi măng Elecem	-	-
	54.317.198	383.401.573

10. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(774.136.469)	(3.137.058.563)
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(774.136.469)	(3.137.058.563)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	(172)	(697)

(*) Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.632.953.467	11.214.406.299
Chi phí nhân công	6.555.822.525	5.735.078.005
Chi phí khấu hao tài sản cố định	395.896.704	463.582.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.701.554.706	18.843.403.309
Chi phí khác bằng tiền	1.040.975.756	830.062.346
Cộng	39.327.203.158	37.086.532.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 98/HĐTĐ ngày 18 tháng 08 năm 2017 tại xã H'ông, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai với mục đích sử dụng đất làm nhà kho chứa vật liệu nổ xây dựng. Thời gian thuê đất đến ngày 11 tháng 11 năm 2018. Tổng diện tích khu đất thuê là 20.000 m². Đến hiện tại, hợp đồng thuê đất đã hết hạn, tuy nhiên do chưa hoàn thành thủ tục đóng cửa mỏ nên Công ty vẫn phải nộp tiền thuê đất hàng năm.

2. NỢ TIỀM TÀNG

Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê của hợp đồng thuê đất. Hiện tại Công ty chưa thể ước tính giá trị của nghĩa vụ hoàn nguyên này vì chưa có hướng dẫn cụ thể và ước tính một cách đáng tin cậy. Do đó Công ty chưa ghi nhận chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital

Ông Trần Anh Minh

Ông Trần Quang Ninh

Ông Trần Hạnh Nguyên

Ông Trần Quang Huy

Bà Trần Thị Kim Thoa

Bà Trần Thị Len

Ông Bùi Xuân Hải

Các thành viên chủ chốt khác trong HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt

Mối quan hệ

Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả nợ gốc vay	7.227.500.000	2.664.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	900.000.000	700.000.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	6.327.500.000	1.964.000.000
Chi phí lãi vay	3.400.153.314	3.807.268.615
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	181.875.000	237.625.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	3.218.278.314	3.569.643.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP KHÁC)

3. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	16.685.852.741	14.085.699.427
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	5.163.386.286	5.381.511.286
Bà Trần Thị Kim Thoa	11.423.716.455	8.605.438.141
Bà Đặng Thị Đoan Trang	98.750.000	98.750.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	33.208.500.000	40.436.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital	1.400.000.000	2.300.000.000
Bà Trần Thị Kim Thoa	31.808.500.000	38.136.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	108.000.000	119.000.000
Bà Trần Thị Len	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hà (Chủ tịch HĐQT - miễn nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2023)	-	11.000.000
Ông Bùi Xuân Hải	36.000.000	36.000.000
Bà Võ Thị Hà Giang	36.000.000	36.000.000
Tổng Giám đốc	393.157.289	346.949.235
Ông Bùi Xuân Hải	393.157.289	346.949.235
Ban kiểm soát	69.255.579	61.372.908
Bà Đặng Thị Đoan Trang	36.000.000	25.000.000
Bà Mai Ngọc Liên	21.255.579	24.372.908
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	12.000.000	12.000.000
Cộng	570.412.868	527.322.143

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Số tiền đi vay thực thu trong năm: 0 đồng
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 0 đồng

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm: 7.227.500.000 đồng
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 7.227.500.000 đồng

5. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Mai Ngọc Liên
Người lập biểu

Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng

Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2025